

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST

Ngày 18/02/2022

“V/v ly hôn, tranh chấp về con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích.

Ông Đỗ Văn Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Thìn- Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 18/02/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 123/2020/TLST-HNGĐ ngày 06/10/2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXX-ST ngày 06/01/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐ-ST ngày 20/01/2022 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị X, sinh năm 1988 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Hạ, xã Nghĩa H, huyện Lạng G, tỉnh B.

Hiện nay đang ở: thôn 8, xã An Hà, huyện Lạng G, tỉnh B

***Bị đơn:** Anh Nguyễn Xuân Tr, sinh năm 1981.

Địa chỉ hộ khẩu thường trú: thôn Hạ, xã Nghĩa H, huyện Lạng G, tỉnh B.

Hiện đang đi lao động tại Hàn Quốc. (vắng mặt)

Địa chỉ: Công ty (JU)NAMGANGENJINIEORING theo địa chỉ: (22845) Incheon Seo-gu Gajwa-dong. Số điện thoại: +82 032-584-0671

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và bản tự khai trong quá trình làm việc, nguyên đơn là chị Vũ Thị X trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Xuân Tr có được tự do tìm hiểu và tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 13/02/2015 tại UBND xã Nghĩa H, huyện Lạng G, tỉnh B. Thời gian đầu chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc. Từ năm 2017 thì anh Tr đi xuất khẩu lao động ở Hàn Quốc đến năm 2018 thì vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn. Do tính cách không hợp nhau và thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Từ tháng 08 năm 2018 thì chị và anh Tr không còn qua lại tình cảm với nhau nữa và không còn liên lạc với nhau. Nay xác định tình cảm không còn chị xin ly hôn anh Nguyễn Xuân Tr.

- Về con chung: Chị và anh Nguyễn Xuân Tr có 01 con chung là cháu: Nguyễn Vũ Linh Ch, sinh ngày 30/11/2015. Hiện nay, con chung đang ở với chị. Sau khi ly hôn chị X đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức, đất nông nghiệp: chị X trình bày không có tài sản chung và khoản nợ nào, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về phía bị đơn là anh Nguyễn Xuân Tr có địa chỉ tại Hàn Quốc.

Tòa án nhân dân tỉnh B đã ban hành văn bản ủy thác tư pháp số 23/UTTPDS-TA5 ngày 20/4/2021 gửi Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Hàn Quốc về việc tổng đạt các văn bản tố tụng và lấy lời khai theo bản mô tả chứng cứ cần được thu thập và câu hỏi lấy lời khai của Tòa án nhân dân tỉnh B đối với anh Nguyễn Xuân Tr theo quy định của pháp luật.

- Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã làm công văn gửi Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Hàn Quốc cung cấp kết quả. Tuy nhiên, hết thời hạn thông báo Tòa án nhân dân tỉnh B không nhận được văn bản thể hiện quan điểm về yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Xuân Tr và của Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Hàn Quốc. Bên cạnh đó, Tòa án cũng làm công văn gửi trung tâm lao động ngoài nước, Bộ lao động thương binh và xã hội và Văn phòng quản lý lao động Việt Nam theo trương trình EPS nơi quản lý lao động của Trung tâm lao động ngoài nước, Bộ lao động – Thương binh và xã hội để nhờ tổng đạt cho anh Nguyễn Xuân Tr nhưng không có kết quả. Anh Tr cũng vắng mặt không có lý do trong quá trình Tòa án thông báo, triệu tập đến giải quyết vụ án.

Tòa án có tiến hành xác minh thông qua thân nhân của anh Tr là ông Nguyễn Xuân Tr1, sinh năm 1950. Địa chỉ: xóm Hạ, xã Nghĩa H, huyện Lạng G, tỉnh B, ông Trường có quan điểm trình bày: ông là bố đẻ của anh Tr có địa chỉ như trên.

Hiện nay, anh Tr đang đi lao động tại Hàn Quốc không có mặt tại địa phương, nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình ông. Anh Tr đi nước ngoài tháng 9/2017. Về địa chỉ của con ông ở bên nước ngoài thì ông không biết và không nắm được chính xác nên không thể cung cấp cho Tòa án.

Về việc chị X xin ly hôn thì anh Tr có trao đổi về với gia đình là:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Tr đồng ý ly hôn với chị Vũ Thị X.

Anh Tr kết hôn với chị X vào khoảng năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghĩa H, Lạng Giang, sau khi kết hôn thì chị X về nhà ông làm dâu hai vợ chồng anh Tr và chị X cùng đi làm ăn ở trên Thái Nguyên, sau này chị X có thai thì về nhà ông nghỉ sinh. Ban đầu vợ chồng hai cháu sinh sống cũng hòa thuận hạnh phúc. Đến ngày 12/9/2018 khi anh Tr về nước nghỉ phép thì phát hiện chị X có quan hệ với người đàn ông khác, kể từ đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Sau đó anh Tr đưa chị X về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó đến nay. Anh Tr lại tiếp tục sang nước ngoài lao động. Hai vợ chồng hiện nay không còn liên lạc với nhau.

- Về con chung: anh Tr và chị X có 01 con chung là cháu: Nguyễn Vũ Linh Ch, sinh ngày 30/11/2015. Hiện nay, con chung đang ở với chị X. Sau khi ly hôn chị X đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng thì anh Tr không đồng ý. Anh Tr cũng có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu chị X cấp dưỡng. Mới đây khoảng tháng 6/2020 gia đình ông có đón cháu Ch sang nhà chơi thì chị X không cho gia đình ông đưa đón nữa. Vậy đề nghị tòa án xem xét giải quyết cho anh Tr.

Về tài sản chung, công nợ: Không có.

Tòa án yêu cầu gia đình ông thông báo để anh Nguyễn Xuân Tr gửi quan điểm về cho Tòa án thì chúng tôi từ chối thực hiện. Anh Tr đề nghị khi nào anh Tr về được thì sẽ giải quyết vụ án sau, do dịch bệnh nên con ông không thể về.

*Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Vũ Thị X vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Xuân Tr đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) công bố đơn khởi kiện; bản tự khai của chị X; tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Đối với Thẩm phán, Thư ký, HĐXX chấp hành đúng quy định của pháp luật; về phía các đương sự thì chị Vũ Thị X chấp hành đúng quy định pháp luật, bị đơn anh Nguyễn Xuân Tr không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Xét mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được, đề nghị HĐXX giải quyết cho

chị Vũ Thị X được ly hôn anh Nguyễn Xuân Tr; về con chung: giao con chung là cháu Nguyễn Vũ Linh Ch, sinh ngày 30/11/2015 cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng; về tài sản chung: Chị X trình bày không có, nên không xem xét giải quyết; Chi phí tố tụng chị Vũ Thị X phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Vũ Thị X là công dân Việt Nam, cư trú tại thôn thôn 8, xã An Hà, huyện Lạng G, tỉnh B, Việt Nam. Chị Vũ Thị X có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Xuân Tr. Anh Nguyễn Xuân Tr là công dân có hộ khẩu thường trú: thôn Hạ, xã Nghĩa H, huyện Lạng G, tỉnh B hiện đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc, ở địa chỉ: Công ty (JU)NAMGANGENJINIEORING theo địa chỉ: (22845) Incheon Seo-gu Gajwa-dong. Như vậy, Tòa án xác định đây là vụ án “ly hôn, tranh chấp về con chung” có đương sự là người Việt Nam, đang cư trú ở nước ngoài và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh B theo quy định tại khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 127- Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2]. Về việc đương sự vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án đã ban hành văn bản tố tụng và gửi cho các đương sự về thời gian xét xử vụ án. Chị Vũ Thị X có đơn xin xét xử vắng mặt. Đã hết thời hạn 03 tháng sau khi thông báo, anh Nguyễn Xuân Tr vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1, khoản 3, Điều 228; Điều 238; khoản 5, Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quyết định xét xử vắng mặt đối với chị Vũ Thị X và anh Nguyễn Xuân Tr .

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

[3.1]. Theo như chị Vũ Thị X trình bày: Chị và anh Nguyễn Xuân Tr có được tự do tìm hiểu và tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 13/02/2015 tại UBND xã Nghĩa H, huyện Lạng G, tỉnh B. Thời gian đầu chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc. Từ năm 2017 thì anh Tr đi xuất khẩu lao động ở Hàn Quốc đến năm 2018 thì vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau và thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Từ tháng 08 năm 2018 thì chị và anh Tr không còn qua lại tình cảm với nhau nữa và

không còn liên lạc với nhau. Nay xác định tình cảm không còn chị xin ly hôn anh Nguyễn Xuân Tr.

[3.2]. Hội đồng xét xử thấy: Chị Vũ Thị X và anh Nguyễn Xuân Tr kết hôn ngày 13/02/2015 tại UBND xã Nghĩa H, huyện Lạng G, tỉnh B trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu. Như vậy, quan hệ hôn nhân của chị Vũ Thị X và anh Nguyễn Xuân Tr là hợp pháp.

Sau khi kết hôn chung sống được một thời gian thì anh Nguyễn Xuân Tr và chị X phát sinh mâu thuẫn, anh chị đã sống ly thân từ năm 2018. Từ đó đến nay thì chị Vũ Thị X và anh Nguyễn Xuân Tr không có sự liên lạc với nhau. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình (Việt Nam) thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng chị Vũ Thị X và anh Nguyễn Xuân Tr đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Vũ Thị X và anh Nguyễn Xuân Tr được xác định là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bên cạnh đó tại biên bản làm việc thông qua thân nhân của anh Tr thì anh Tr cũng có quan điểm đồng ý ly hôn với chị X. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56- Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị Vũ Thị X được ly hôn anh Nguyễn Xuân Tr.

[4]. Về con chung: anh Tr và chị X có 01 con chung là cháu Nguyễn Vũ Linh Ch, sinh ngày 30/11/2015. Hiện nay, con chung đang ở với chị Xuyến. Sau khi ly hôn chị X đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng.

HĐXX thấy: Tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ án anh Tr không có mặt tại gia đình mà đang ở nước ngoài. Hiện nay, con chung đang ở ổn định với chị X. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của con chung cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao 01 con chung là Vũ Linh Chi, sinh ngày 30/11/2015 cho chị Vũ Thị X trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị X không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp anh Tr về Việt Nam và có nguyện vọng nuôi con chung có thể làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Vũ Thị X trình bày không có. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về chi phí tố tụng:

[6.1]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5, Điều 27-Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Vũ Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2018/0000707 ngày 06/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Xác nhận chị Vũ Thị X đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[6.2]. Về án phí ủy thác tư pháp: Căn cứ quy định tại Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự: chị Vũ Thị X chịu 200.000 tiền tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài và 200.000 đồng tiền ủy thác bản án ra nước ngoài. Nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0000089 ngày 28/7/2021 và 200.000 đồng tại biên lai số 0000299 ngày 18/02/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Xác nhận chị Vũ Thị X đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[7]. Quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2, Điều 123; Điều 127- Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; Điều 151; khoản 3, Điều 153; Điều 154; khoản 1 và điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1, khoản 3, Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 5, Điều 477; khoản 3, Điều 479 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5, Điều 27-Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị X được ly hôn anh Nguyễn Xuân Tr.
2. Về con chung: giao 01 con chung là Vũ Linh Chi – sinh ngày 30/11/2015 cho chị Vũ Thị X trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị X không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp anh Tr về Việt Nam và có nguyện vọng nuôi con chung có thể làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về chi phí tố tụng:

[3.1]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5, Điều 27-Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Vũ Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2018/0000707 ngày 06/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Xác nhận chị Vũ Thị X đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[3.2]. Về án phí ủy thác tư pháp: Căn cứ quy định tại Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự: chị Vũ Thị X chịu 200.000 tiền tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài và 200.000 đồng tiền ủy thác bản án ra nước ngoài. Nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0000089 ngày 28/7/2021 và 200.000 đồng tại biên lai số 00000299 ngày 18/02/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Xác nhận chị Vũ Thị X đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

- Anh Nguyễn Xuân Tr đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 12 tháng (365 ngày) kể từ ngày tuyên án (18/02/2022)

- Chị Vũ Thị X hiện cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- UBND xã Nghĩa H, Lạng Giang;
- Công thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Văn Long Nguyễn Thị Bích

Trần Thị Hà

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- UBND huyện Lục Nam;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ong Thân Thắng